

NHẬN THỨC VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN

NCS. Chu Thị Hoa¹

1. Thực trạng nhận thức về quyền tiếp cận thông tin

Được thông tin và tiếp cận thông tin hiện đã trở thành một nhu cầu và một quyền cấp thiết cần phải bảo đảm không chỉ đối với các tổ chức và doanh nghiệp, mà còn đối với mọi công dân, bởi thông tin, đặc biệt là thông tin về pháp luật, chính sách và hoạt động của các cơ quan nhà nước được coi là yếu tố cốt yếu trong mọi hoạt động, khi mà xã hội được quản lý và vận hành theo những nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Việt Nam chưa có luật riêng về tiếp cận thông tin, tuy nhiên, quyền được thông tin đã được hiến định tại Hiến pháp 1992 (Điều 69) và quyền tiếp cận thông tin tại Hiến pháp 2013 (Điều 25); đồng thời, đã có một số văn bản pháp luật chuyên ngành quy định về quyền tiếp cận và khai thác thông tin, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân, tổ chức. Ví dụ: Điều 32 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012 quy định về “quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân”; Điều 9 Luật an toàn thực phẩm năm 2010 quy định “quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm”; Điểm 61 Chương IV Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở

hữu công nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010) quy định về tiếp cận và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia...

Bên cạnh đó, nội dung, phạm vi các vấn đề cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai thông tin cũng đã được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau và theo cách liệt kê danh mục những vấn đề cần công khai, ngay tại chính các văn bản pháp luật chuyên ngành. Chẳng hạn như: Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định danh mục các thông tin cần công khai; Luật kế toán năm 2003 quy định công khai báo cáo tài chính; Luật kiểm toán nhà nước năm 2005 quy định công khai báo cáo kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; Điều 33 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012) quy định công khai báo cáo hàng năm về kết quả công tác đấu tranh chống tham nhũng Điều 6 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 quy định về lĩnh vực công khai, hình thức công khai²; Điều 104 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định về công khai thông tin, dữ liệu về môi trường³; Điều 5 Luật đấu thầu năm 2005 (được sửa đổi,

¹ Phó trưởng Phòng Cơ sở dữ liệu, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp

² Từ ngày 01/7/2014 thực hiện quy định công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Điều 5 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013

³ Từ ngày 01/01/2015 thực hiện quy định công khai thông tin môi trường tại Điều 131 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

bổ sung năm 2009) quy định về công khai thông tin về đấu thầu⁴; Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) năm 2004; Điều 78, 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 về đăng công báo, đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật; Điều 41, 45 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 quy định về đưa tin về dịch bệnh; Điều 57 Luật năng lượng nguyên tử năm 2008 cung cấp thông tin về tình trạng an toàn của nhà máy điện hạt nhân, Điều 11, 15, 40, 54 Luật đa dạng sinh học năm 2008 quy định về công bố quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, thông tin về loài ngoại lai xâm hại...

Tuy nhiên, quyền được thông tin, quyền yêu cầu cung cấp thông tin chỉ được thực thi hiệu quả trên thực tế khi cá nhân, tổ chức chủ động sử dụng quyền này phù hợp

nhận thức về quyền được thông tin, Dự án đã tiến hành khảo sát ở 9 nhóm đối tượng, kết quả thu được cho thấy: **nhận thức về quyền được thông tin còn hạn chế từ cả hai phía: người dân - chủ thể có quyền và cán bộ, công chức cơ quan nhà nước - chủ thể có nghĩa vụ.**

Thứ nhất, người dân nhận thức chưa đầy đủ về quyền được thông tin của mình theo quy định của pháp luật. Cụ thể, khi được hỏi “pháp luật hiện nay của Việt Nam có cho phép người dân được quyền tìm hiểu thông tin tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không”, thì vẫn còn 124 người trả lời *không biết* (chiếm tỷ lệ 9,7 %) và 60 người trả lời *không cho phép* trên tổng số 1272 người dân tham gia khảo sát (chiếm tỷ lệ 4,8 %).

Địa bàn nơi người dân sinh sống là đô thị hay nông thôn cũng có ảnh hưởng đến sự hiểu biết về quyền tiếp cận thông tin của người dân (xem Biểu số 01).

Biểu số 01: Nhận thức của người dân đô thị và nông thôn về quyền được thông tin

	Hà Nội		Lào Cai		Gia Lai	
	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn
Có	84,0%	78,8%	80,9%	77,4%	82%	67,4%
Không	7,1%	6,1%	2,8%	3,2%	6,8%	18,6%
Không biết	8,9%	15,1%	16,3%	19,4%	11,2%	14,0%

với quy định của pháp luật và cơ quan công quyền cũng tạo điều kiện, đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức. Muốn vậy, trước hết mỗi chủ thể đều phải có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về quyền và trách nhiệm của mình.

Để có kết quả khách quan về thực trạng

Về cơ bản, người dân ở đô thị có nhận thức tốt hơn về quyền được thông tin, tuy nhiên, khoảng cách trong nhận thức về quyền này giữa người dân ở đô thị với người dân nông thôn cũng không quá xa. Chẳng hạn, 84% người dân đô thị tại TP. Hà Nội nhận thức được người dân có quyền tìm hiểu thông tin tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong khi tỷ lệ

⁴ Từ ngày 01/7/2014 thực hiện quy định công khai về đấu thầu tại Điều 8 Luật đấu thầu năm 2013.

này ở nông thôn TP. Hà Nội là 78,8%. Tương tự, tỷ lệ này ở tỉnh Lào Cai là 80,9% người dân đô thị so với 77,4% người dân nông thôn nhận thức được quyền được thông tin của mình... Cá biệt, khoảng cách giữa người dân đô thị với người dân nông thôn trong nhận thức về quyền được thông tin thể hiện rõ nhất qua con số 18,6% người dân nông thôn tỉnh Gia Lai cho rằng người dân không có quyền này, trong khi tỷ lệ này ở đô thị tỉnh Gia Lai chỉ có 6,8%.

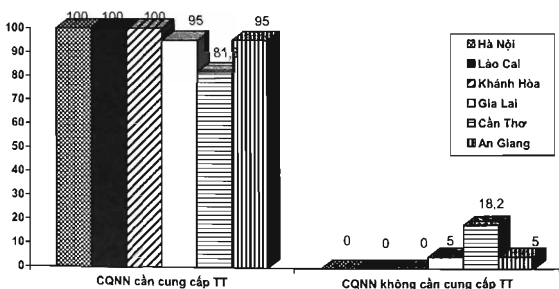
Thứ hai, sự hạn chế trong nhận thức về quyền được thông tin của công dân và trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước không chỉ từ phía người dân, mà còn từ phía cán bộ, công chức nhà nước. Liên quan đến vấn đề này, dự án đã thiết kế một câu hỏi tương tự như rất đơn giản là "Theo ông/bà, cơ quan nhà nước có cần thiết phải cung cấp thông tin mà cơ quan đó đang quản lý không?", nhưng khi hỏi các đối tượng khác nhau (người dân, doanh nghiệp, nhà báo và cán bộ đang công tác tại

các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phải cung cấp thông tin) thì kết quả thu được rất đáng phải suy ngẫm.

Cụ thể, Dự án đã tiến hành khảo sát qua phỏng vấn 1272 người dân, 411 doanh nghiệp, 122 nhà báo và 760 cán bộ tại 6 tỉnh Lào Cai, Hà Nội, Khánh Hòa, Gia Lai, Cần Thơ, An Giang. Về phía người dân và doanh nghiệp, có 93,7% doanh nghiệp và 90,4% người dân khi được hỏi đã lựa chọn phương án trả lời "có cần thiết". Điều này cũng đồng nghĩa còn lại 6,3% doanh nghiệp và 9,6% người dân cho rằng: "cơ quan nhà nước không cần phải cung cấp thông tin mà cơ quan đó đang quản lý".

Một điều đáng ngạc nhiên là cùng câu hỏi trên, khi nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn đối tượng liên quan đến hoạt động báo chí/xuất bản (gọi là nhà báo - đây là đối tượng mà dự án kỳ vọng là có nhận thức đầy đủ nhất về quyền được thông tin, vì đây là lĩnh vực liên quan đến hoạt động tác nghiệp hàng ngày và quyền

Biểu số 02: Nhận thức của nhà báo ở 6 tỉnh/thành phố về sự cần thiết phải cung cấp thông tin của CQNN (%)



được thông tin của báo chí cũng đã được luật hóa tại trong Luật báo chí năm 1989, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành⁵, thì kết quả lại có 5% nhà báo tỉnh An Giang, 5% nhà báo tỉnh Gia Lai, thậm chí cá biệt có 18,2% nhà báo TP. Cần Thơ tham gia phỏng vấn cho rằng: cơ quan nhà nước không cần thiết phải cung cấp thông tin mà cơ quan đó đang quản lý (xem Biểu số 02).

Về phía cán bộ cơ quan nhà nước, có 91,3% cán bộ được hỏi đồng ý với phương án cơ quan nhà nước cần phải cung cấp thông tin mà cơ quan đó đang quản lý và 8,7% cán bộ cho rằng cơ quan nhà nước không cần phải cung cấp thông tin mà cơ quan đó đang quản lý. Theo địa bàn, tỉ lệ đó là: Cần Thơ 15,9%, An Giang 10,6%, Gia Lai 9,8%, Khánh Hòa 6,6 %, Lào Cai 6,4%, Hà Nội 4,6%). Đây là nhận thức không đúng, thiếu tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, công chức. Các cán bộ này không chỉ nhận thức không đúng về trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin, mà còn không hiểu rõ quyền của một công dân "được biết thông tin", hay "tiếp cận thông tin". Trao đổi, thảo luận tại các cuộc tọa đàm trong khuôn khổ khảo sát cho thấy, nhiều cán bộ nhà nước đánh đồng quyền tiếp cận thông tin với quyền được biết về các quy định pháp luật, hoặc chỉ đơn giản là quyền tiếp cận thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của cả nước và ở địa phương...

Những suy nghĩ đơn giản và thiếu đầy đủ về quyền tiếp cận thông tin của cán bộ thuộc các cơ quan nhà nước nếu không được thay đổi sẽ là những cản trở cho việc thực hiện quyền được thông tin của người dân.

Mặt khác, thực tiễn khảo sát cũng cho thấy, ngay cả đối với các cán bộ, công chức nhận thức được trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin mà mình đang quản lý để công chúng được biết, thì phổ biến hiện nay vẫn cho rằng: bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chỉ là nhằm mục đích tăng cường giám sát, kiểm tra, bảo đảm minh bạch trong hoạt động thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước, thực thi công vụ của cán bộ, công chức nhà nước. Cán bộ cơ quan nhà nước chưa nhận thức được rằng, thông tin được công khai, minh bạch, mọi người được tự do tiếp cận thông tin sẽ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư, cho nhân dân vào chủ trương, cơ chế, chính sách của Nhà nước. Đó chính là cơ sở cho việc giải phóng các tiềm năng để đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm pháp luật, thúc đẩy sự đồng thuận, ổn định xã hội để phát triển.

Thứ ba, vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau về loại thông tin mà cơ quan nhà nước cần công khai hoặc phải cung cấp khi có yêu cầu.

Trong quá trình hoạt động của mình, cơ quan nhà nước thường nắm giữ hai loại thông tin. Đó là, thông tin do chính hoạt động của cơ quan mình tạo ra và thông tin mà cơ quan khác tạo ra và gửi đến cho

⁵ Luật báo chí năm 1989, được sửa đổi, bổ sung năm 1999 đã có quy định tại: Điều 7 - cung cấp thông tin cho báo chí; Điều 8 - trả lời trên báo chí; Điều 8 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí đã quy định về: quyền hạn của nhà báo;

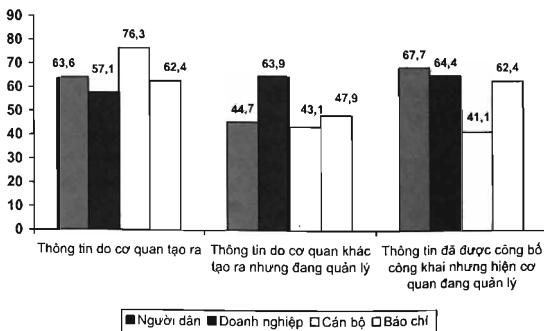
mình trong quá trình phối hợp hoạt động (thông tin nhận được).

Đây là vấn đề chưa được quy định trong bất cứ văn bản quy phạm pháp luật nào. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật tiếp cận thông tin, Ban soạn thảo dự kiến: trong hai loại thông tin nêu trên, cơ quan nhà nước chỉ trực tiếp cung cấp đối với những thông tin do chính hoạt động của mình tạo ra, còn đối với những thông tin do mình nhận được từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình phối hợp hoạt động, thì cơ quan nhận được thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu đến chính cơ quan nhà nước đã tạo ra thông tin đó để yêu cầu cung cấp thông tin. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng để tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp cả hai loại thông tin này khi được yêu cầu. Đối với những thông tin đã được cơ quan nhà nước công khai, nếu có yêu cầu cung

cấp thông tin, cơ quan nhà nước chỉ hướng dẫn người yêu cầu đến nơi tìm kiếm thông tin, chứ không trực tiếp cung cấp thông tin đã công khai cho người yêu cầu. Ý kiến khác lại cho rằng, nhiều thông tin mặc dù đã được cơ quan nhà nước công khai, nhưng người dân không có khả năng tìm kiếm, hoặc những thông tin này đã hết thời hạn công khai, mà cá nhân tổ chức yêu cầu thì cơ quan nhà nước vẫn phải có trách nhiệm cung cấp những thông tin này cho người yêu cầu.

Để lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp, nhà báo và cán bộ, công chức về loại thông tin mà cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai hoặc cung cấp, Dự án đã nêu ra câu hỏi: "Nếu cơ quan nhà nước cần thiết phải cung cấp thông tin mà cơ quan mình đang quản lý để cá nhân và tổ chức được biết, thì đó là những loại thông tin nào?". Kết quả thu được cho thấy phần lớn người dân, doanh nghiệp,

Biểu số 03: Loại thông tin mà các CQNN cần phải cung cấp (%)



nhà báo và cán bộ, công chức thuộc 6 tỉnh thành phố lựa chọn phương án 1 - cơ quan nhà nước cần cung cấp thông tin do cơ quan đó tạo ra; còn phương án 2 và phương án 3 tỷ lệ lựa chọn giữa cán bộ và các đối tượng khác có sự chênh lệch khá lớn. Đặc biệt là đối với phương án 3, chỉ có 41,1% cán bộ nhà nước cho rằng loại thông tin mà các cơ quan nhà nước cần phải cung cấp là thông tin đã được công bố công khai nhưng hiện cơ quan đang quản lý, trong khi nhu cầu được cung cấp loại thông tin này ở người dân là 67,7% và ở doanh nghiệp là 64,4%, nhà báo là 62,4% (xem Biểu số 03).

Kết quả này cho thấy, mặc dù phần lớn cán bộ thuộc 6 tỉnh thành phố đã nhận thức được về trách nhiệm của cơ quan nhà nước là phải cung cấp thông tin do mình quản lý, nhưng không phải ai cũng nhận rõ được thông tin mà cơ quan nhà nước cần cung cấp là loại thông tin nào. Lý lẽ mà họ đưa ra là, ngay cả những thông tin do họ tạo ra, thì không phải tất cả những thông tin này họ đều phải công bố công khai, hoặc cung cấp thông tin khi có yêu cầu. Các thông tin này cũng cần phải chia ra các loại khác nhau: thông tin do họ tạo ra và được công bố công khai, hoặc cung cấp theo yêu cầu; thông tin do họ tạo ra nhưng chỉ được công khai, hoặc cung cấp cho một số loại chủ thể nhất định; thông tin do họ tạo ra thuộc dạng không công khai. Do vậy, Luật tiếp cận thông tin khi được xây dựng cần quy định cụ thể về vấn đề này. Đồng thời, Luật cũng cần quy định rõ một số loại thông tin do cơ quan khác tạo ra và liên quan trực tiếp đến công việc của cơ quan nhận được thông tin trong quá trình phối hợp hoạt động, thì cơ quan nhận được thông tin cũng cần phải

thực hiện công khai và cung cấp thông tin (ví dụ: văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính mà trong đó cần phải có sự phối hợp giải quyết công việc giữa các cơ quan...), còn đối với những thông tin khác thì cơ quan nào tạo ra thông tin, cơ quan đó có nghĩa vụ cung cấp thông tin để đảm bảo độ chính xác.

Tóm lại, thực trạng nhận thức về quyền được thông tin cho thấy: cả người dân lẫn cán bộ nhà nước đều chưa nhận thức đầy đủ về quyền được thông tin của người dân và việc đảm bảo thực hiện quyền này. Một trong những nguyên nhân của thực trạng trên là do bất cập từ chính quy định của pháp luật. Việc chưa có một đạo luật quy định về quyền được thông tin dẫn đến điều kiện pháp lý để quyền này được đảm bảo thực hiện trên thực tế chưa được đầy đủ. Để khắc phục tình trạng này, mỗi địa phương có những cách làm khác nhau nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân được thực thi trên thực tế. Hơn nữa, mặc dù đã có nhiều văn bản pháp luật quy định về việc công khai thông tin, nhưng rất ít văn bản quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi công dân yêu cầu. Do đó, việc cung cấp thông tin còn mang tính chất tùy tiện, "xin - cho".

Như vậy, đã đến lúc Luật tiếp cận thông tin cần được ban hành để tạo ra sự đồng thuận và thống nhất nhận thức về quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức. Bên cạnh đó, các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về quyền được thông tin cũng cần được triển khai đồng bộ trên toàn quốc.

2. Nhu cầu tiếp cận thông tin của cá nhân, doanh nghiệp

Thông tin là nhu cầu thiết yếu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, là nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay nhu cầu thông tin của người dân/doanh nghiệp có xu hướng ngày càng gia tăng. Về phía người dân, nhu cầu về thông tin tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực gần bó thiết thực đến cuộc sống hàng ngày như: đất đai, nhà ở, đăng ký hộ khẩu, kê khai thuế, đăng ký kinh doanh, khai sinh, đăng ký kết hôn, giáo dục, y tế, lao động - thương binh và xã hội, khiếu nại hành chính. Đối với doanh nghiệp, tùy thuộc vào quy mô, phạm vi hoạt động, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, mục đích tiếp cận thông tin từ các cơ quan công quyền của doanh nghiệp có thể khác nhau. Tuy nhiên để giải quyết các công việc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ việc hoạch định chiến lược kinh doanh đến cơ cấu lại vốn đầu tư...), tất cả các doanh nghiệp đều có một điểm chung là cần tiếp cận các tin tức, dữ liệu liên quan có trong hồ sơ, tài liệu do cơ quan công quyền tạo ra, hoặc nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đang được các cơ quan này nắm giữ.

Để có những thông tin chính xác về nhu cầu tiếp cận thông tin của cá nhân, doanh nghiệp, Dự án đã đưa ra danh mục 30 loại thông tin⁶ mà theo đánh giá của nhóm

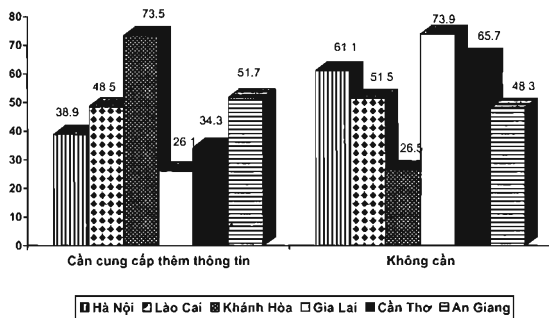
nghiên cứu đây là những thông tin thiết thực đối với người dân và doanh nghiệp hoặc những loại thông tin mà pháp luật bắt buộc phải công bố công khai.

Thứ nhất, kết quả khảo sát cho thấy, *nhu cầu tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức ngày càng gia tăng về số lượng, đa dạng về lĩnh vực, yêu cầu cao về tính minh bạch* cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc đáp ứng yêu cầu chính đáng, thiết thực này cho người dân cũng còn hạn chế. **43,4% nhà báo, 45,6% người dân, 55% doanh nghiệp** và **55,6% cán bộ nhà nước** tham gia khảo sát cho rằng: **ngoài những thông tin mà các cơ quan nhà nước đã cung cấp thì những thông tin còn lại trong danh mục**

lài sản có trên đất; (8) Thông tin về thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng; (9) Công trình xây dựng sai quy hoạch, sai giấy phép và cách thức xử lý; (10) Thông tin liên quan đến ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường tại địa phương và tình hình khắc phục; (11) Danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn và kết quả xử lý; (12) Thông tin về dịch bệnh nguy hiểm; (13) Thông tin về mức đóng, điều kiện được hưởng bảo hiểm y tế; (14) Thông tin về phạm vi được hưởng và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; (15) Thông tin về các đợt khám chữa bệnh miễn phí; (16) Thông tin về vệ sinh an toàn thực phẩm; (17) Danh mục các loại thực phẩm bị thu hồi, cấm lưu hành; (18) Danh sách các cơ sở vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kết quả xử lý; (19) Danh mục các loại thuốc cấm sử dụng, hạn chế sử dụng; (20) Danh sách các cơ sở vi phạm quy định về sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh và kết quả xử lý; (21) Thông tin về bán đấu giá tài sản; (22) Thông tin về tình trạng tài sản mua bán, chuyển nhượng (chủ sở hữu bị thế chấp, cầm cố, kê biên...); (23) Lịch xét xử của Tòa án, (24) Bản án, quyết định của Tòa án, (25) Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức; (26) Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình; (27) Tình hình quản lý, sử dụng ngân sách và chi đầu tư công, (28) Thông tin về quản lý, sử dụng một số loại quý, phi; (29) Thông tin về chính sách hỗ trợ hộ nghèo, (30) Thông tin về các khoản cứu trợ, đóng góp;

⁶ Danh mục thông tin được lựa chọn để liên hành khảo sát gồm: (1) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (2) Văn bản quy phạm pháp luật, (3) Thủ tục hành chính và quy trình giải quyết công việc của cơ quan; (4) Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành; (5) Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, nhà ở; (6) Thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn; (7) Thông tin về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu

Biểu số 04: Nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân ở các địa phương (%)



30 loại thông tin mà nhóm khảo sát đưa ra, đều cần được cung cấp cho người dân/doanh nghiệp. Như vậy, nhu cầu tiếp cận thông tin của các cá nhân, tổ chức trong xã hội là tương đối cao.

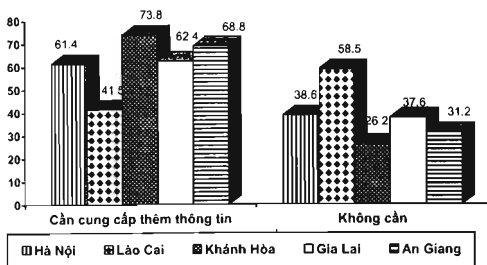
Nhu cầu thông tin của người dân ở các địa phương được khảo sát cũng khác nhau, trong đó cao nhất là tỉnh Khánh Hòa (73,5% người dân tham gia khảo sát có nhu cầu được cung cấp thêm thông tin ngoài những thông tin mà cơ quan nhà nước đã cung cấp); thấp nhất là tỉnh Gia Lai chỉ có 26,1% người dân có nhu cầu được cơ quan nhà nước cung cấp thêm thông tin và 73,9% cho rằng những thông tin cơ quan nhà nước đã cung cấp là đủ đáp ứng nhu cầu của họ rồi (xem Biểu đồ số 04).

Về phía doanh nghiệp, những doanh nghiệp ở các địa bàn như Khánh Hòa, An Giang, thì nhu cầu tiếp cận thông tin cao hơn doanh nghiệp ở Gia Lai, Lào Cai (xem

Biểu số 05 trang sau). Bên cạnh đó, nhu cầu thông tin của người dân, doanh nghiệp tại các khu vực đô thị - là địa bàn có dân trí và điều kiện tiếp cận tốt hơn thường quan tâm đến thông tin liên quan đến: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trình tự đăng ký quyền sử dụng đất; bồi thường giải phóng mặt bằng và vệ sinh môi trường trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế; các thông tin về chế độ chính sách trong lĩnh vực bảo hiểm; về khai sinh, khai tử, kết hôn, chứng thực trong lĩnh vực tư pháp... Trong khi đó, ở những khu vực đời sống kinh tế còn khó khăn, những người là lao động tự do và làm nông nghiệp thì ngược lại, trình độ nhận thức hạn chế, nhu cầu tiếp cận thông tin cũng ít và có khi được tuyên truyền rồi lại quên⁷.

⁷ Ý kiến tại Toa đàm của đồng chí Chủ tịch Hội nông dân phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai

Biểu số 05: Nhu cầu tiếp cận thông tin của doanh nghiệp ở các địa phương (%)



Thứ hai, phần lớn cán bộ thuộc các cơ quan nhà nước không xác định được cụ thể nhu cầu của cá nhân, tổ chức đối với thông tin mà mình đang nắm giữ.

Cán bộ có thể nắm bắt nhu cầu của cá nhân, tổ chức đối với thông tin mà cơ quan nhà nước đang nắm giữ, quản lý từ hai nguồn chính. Một là, từ việc theo dõi những thông tin mà cơ quan quản lý nhà nước đã công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, để xác định cá nhân, tổ chức thường xuyên tìm hiểu thông tin nào nhất, thông tin công khai như thế nào (cả hình thức công khai và dung lượng) thì phù hợp với trình độ dân trí, sự phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Hai là, xác định nhu cầu thông tin của cá nhân tổ chức thông qua yêu cầu cung cấp thông tin của các đối tượng cụ thể.

Tuy nhiên, theo các báo cáo, tham luận của các cơ quan nhà nước tại các buổi tọa đàm, về cơ bản, các cơ quan nhà nước chưa thật sự quan tâm tìm hiểu, theo dõi, điều tra, thống kê để xác định được cụ thể

nhu cầu của cá nhân, tổ chức đối với thông tin do mình nắm giữ, quản lý. Qua các buổi thảo luận, nhu cầu thông tin của các cá nhân, tổ chức chỉ được đánh giá một cách sơ lược theo các lĩnh vực:

Lĩnh vực đất đai, cá nhân và tổ chức có nhu cầu tìm hiểu chế độ chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đấu giá đất; thông tin về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thông tin liên quan đến tài sản gắn liền với đất, hoặc quyền sử dụng đất; giao dịch dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất... Để tìm hiểu các thông tin này họ thường đến UBND các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thẩm quyền.

Lĩnh vực y tế, công dân có nhu cầu tìm hiểu chế độ khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế tự nguyện; bảo hiểm y tế người nghèo, bảo hiểm y tế của người dân tộc thiểu số;

vệ sinh an toàn thực phẩm; thủ tục đăng ký cấp phép hành nghề y được tự nhân; tiêm chủng trẻ em; phụ cấp ngành y tế... Các thông tin này được công dân đến tìm hiểu tại UBND cấp xã, Sở Y tế.

Lĩnh vực xây dựng, công dân có nhu cầu tìm hiểu về thủ tục cấp giấy phép xây dựng, quy hoạch xây dựng; thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách nhà ở; thông tin về nhà đất của cá nhân và tổ chức; cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng... Trong lĩnh vực này cá nhân, tổ chức đến tìm hiểu tại UBND cấp huyện, Sở Xây dựng. Cá biệt tại tỉnh Lào Cai, cá nhân, tổ chức còn có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về Bảng giá ca máy thiết bị; chi phí vận chuyển thông báo giá vật liệu xây dựng; đường thoát hiểm giữa 2 làn dân cư; xếp hạng năng lực tư vấn tham gia hoạt động xây dựng...

Lĩnh vực công nghệ thông tin, cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu thông tin liên quan đến chính sách, quy chế, hỗ trợ để các doanh nghiệp phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thủ tục xin cấp phép cho trang thông tin điện tử; hướng dẫn sử dụng hệ thống thư điện tử; chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin... Trong lĩnh vực này cá nhân, tổ chức đến tìm hiểu tại Sở Thông tin và Truyền thông

Lĩnh vực môi trường, cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu thông tin liên quan đến cơ sở gây ô nhiễm môi trường; các thông số quan trắc môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường; bản cam kết bảo vệ môi trường; tình hình ô nhiễm môi trường quanh khu vực sống; tình hình ô nhiễm nguồn nước, không khí; ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; thủ tục

hành chính liên quan đến lĩnh vực môi trường. Các thông tin này được cá nhân, tổ chức tìm hiểu tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Lĩnh vực tư pháp, cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu thông tin liên quan đến chứng thực, đăng ký hộ tịch; trợ giúp pháp lý; thi hành án dân sự... và tìm hiểu các thông tin này tại Sở Tư pháp, UBND cấp xã.

Ngoài ra, cá nhân, tổ chức còn có nhu cầu tìm hiểu các nội dung thông tin khác như chế độ chính sách đối với hộ nghèo; chế độ tuyển dụng; xin việc làm; chính sách ưu đãi thuế; chế độ người có công với cách mạng; chế độ người cao tuổi; thủ tục hành chính và quy trình giải quyết.

Hình thức chủ yếu mà cá nhân, tổ chức thường dùng để tìm hiểu, tiếp cận thông tin là trực tiếp đến hỏi tại UBND các cấp, nhất là cấp cơ sở, và cơ quan quản lý lĩnh vực có vấn đề mà họ quan tâm, cần biết. Điều này cũng phù hợp với kết quả thu được từ phiếu hỏi nhân dân, doanh nghiệp và cho thấy mức độ quan trọng của việc công khai thông tin, cung cấp thông tin tại trụ sở UBND các cấp, đặc biệt là UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.